

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Thái	Son	3672050314	19/05/1993	4,50	2,50	3,10	
2	Nguyễn Nhật	Cường	3772050830	29/08/1995	,00			
3	Nguyễn Nam	Nghi	3772050837	06/09/1995	5,50	3,50	4,10	
4	Lê Duy	Phuong	3772050842	04/11/1995	5,30	2,50	3,30	
5	Huỳnh Thanh	Tùng	3772050843	01/02/1995	4,30	1,50	2,30	
6	Trần Văn	Công	3772050846	02/04/1995	4,80	3,50	3,90	
7	Lê Duy	Tùng	3772050848	26/02/1995	4,80	4,00	4,20	
8	Đoàn Tấn	Cảnh	3772050854	10/06/1994	4,50	4,00	4,20	
9	Nguyễn Hữu	Vinh	3772050862	14/07/1994	5,00	,00	1,50	
10	Nguyễn Hữu	Long	3772050866	27/02/1993	5,50	4,00	4,50	
11	Đình Phú	Thuận	3772050868	03/03/1995	5,80	1,00	2,40	
12	Phan Hồng	Son	3772050878	11/11/1995	6,30	4,00	4,70	
13	Phan Thanh	Phú	3772050880	12/03/1995	5,80	1,30	2,70	
14	Nguyễn Thanh	Bình	3772050882	25/07/1993	5,50	3,30	4,00	
15	Nguyễn Trung	Can	3772050883	02/01/1995	4,50	3,30	3,70	
16	Lê Hoàng	Kiệt	3772050885	09/07/1995	5,30	4,30	4,60	
17	Nguyễn Quốc	Khánh	3772050898	28/03/1995	5,80	5,00	5,20	
18	Nguyễn Minh	Tiến	3772050903	11/07/1994	4,80	3,50	3,90	
19	Phạm Minh	Độ	3772050911	13/09/1994	4,00	2,00	2,60	
20	Phạm Tùng	Vũ	3772050916	25/02/1992	5,30	,30	1,80	
21	Phan Văn	Chức	3772050922	20/03/1995	6,30	5,00	5,40	
22	Nguyễn Văn	Hậu	3772050928	08/11/1995	,00			
23	Lưu Chí	Đạt	3772050933	06/12/1994	5,30	3,30	3,90	
24	Đoàn Tấn	Lực	3772050941	04/11/1995	5,30	3,80	4,30	
25	Hồ Thành	La	3772050943	14/05/1994	5,50	4,00	4,50	
26	Hồ Thế	Phong	3772050944	06/01/1993	5,00	4,50	4,70	
27	K'	Ning	3772050945	30/04/1995	,00			
28	Nguyễn Tuấn	Duy	3772050947	14/02/1994	,00			
29	Trần Ngô Hoài	Phong	3772050949	16/05/1995	5,50	2,50	3,40	
30	Nguyễn Văn	Thắng	3772050951	16/01/1995	,00			
31	Nguyễn Văn	Thắng	3772050952	22/12/1995	5,50	2,50	3,40	
32	Dương Văn	Tấn	3772050957	16/03/1993	,00			
33	Phan Anh	Công	3772050958	02/09/1995	5,80	3,50	4,20	
34	Võ Quốc	Huy	3772050959	18/03/1995	,00			
35	Gíp Thanh	Tuấn	3772051133	05/03/1993	4,30	1,30	2,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Dịp Ôn	Nhinh	3772051134	16/10/1994	4,00	,50	1,60	
37	Nguyễn Văn	Hiếu	3772051154	13/09/1995	5,30	2,50	3,30	
38	Phan Tuấn	Vũ	3772051158	14/10/1994	5,50	4,80	5,00	
39	Lài Sau	Nghệ	3772051162	24/07/1994	5,00	1,00	2,20	
40	Trần Nguyễn Đình	Khánh	3772051167	19/02/1995	4,80	2,80	3,40	
41	Nguyễn Thành	Luân	3772051169	16/07/1995	,00			
42	Nguyễn Hà	Bảo	3772051181	10/08/1995	6,50	4,50	5,10	
43	Nguyễn Đức	Thông	3772051185	10/08/1994	5,30	2,80	3,60	
44	Trần Đình Hoàn	Hảo	3772051193	20/01/1995	,00			
45	Nguyễn Phú	Quý	3772051212	02/10/1995	5,50	4,00	4,50	
46	Lê Trung	Hiếu	3772051213	27/10/1995	4,80	3,50	3,90	
47	Lê Kim	Thư	3772051221	05/04/1995	,00			
48	Đoàn Quang	Vinh	3772051255	04/01/1995	4,30	,30	1,50	
49	Đặng Thanh	Phú	3772051257	02/10/1995	7,30	3,50	4,60	
50	Đặng Ngọc	Hùng	3772051265	20/05/1995	5,80	3,50	4,20	
51	Lê Xuân	Vương	3772051282	21/10/1993	5,00	3,50	4,00	
52	Nguyễn Văn	Liên	3772051307	28/02/1995	4,50	2,50	3,10	
53	Phạm Văn	Toàn	3772051313	17/12/1994	4,50	2,80	3,30	
54	Đặng Công	Tân	3772051314	24/02/1995	5,80	2,80	3,70	
55	Nguyễn Văn	Tân	3772051344	17/02/1995	4,50	3,30	3,70	
56	Phan Hữu	Của	3772051360	31/10/1995	5,80	2,00	3,10	
57	Dương Tiến	Đạt	3772051365	10/01/1995	6,80	2,00	3,40	
58	Trần Ngọc	Sơn	3772051388	08/12/1995	3,50	,00	1,10	
59	Trần Hữu	Nghị	3772051402	12/08/1994	4,80	3,50	3,90	
60	Nguyễn Anh	Văn	3772051411	19/08/1995	3,30	,00	1,00	
61	Đặng Văn	Nho	3772051419	09/10/1995	6,30	2,30	3,50	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)